

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025



Tháng 08 năm 2025

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 9 - 39 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-------------------------|---------------------------------------|
| Ông Đỗ Hùng Dương | Chủ tịch (Bổ nhiệm từ 12/06/2025) |
| Ông Phạm Hữu Tấn | Chủ tịch (Miễn nhiệm từ 12/06/2025) |
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Yến | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Tài | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc | Thành viên (Miễn nhiệm từ 12/06/2025) |
| Ông Lưu Văn Dũng | Thành viên (Bổ nhiệm từ 12/06/2025) |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Tổng Giám đốc |
| Ông Trịnh Thanh Tùng | Phó Tổng Giám đốc |

Ban Kiểm soát

| | |
|------------------------|---------------------------------------|
| Ông Hoàng Việt | Trưởng Ban (Bổ nhiệm từ 12/06/2025) |
| Bà Nguyễn Thị Hiền | Trưởng Ban (Miễn nhiệm từ 12/06/2025) |
| Bà Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên |
| Bà Bùi Thị Ngọc Lương | Thành viên |

Phụ trách kế toán

| | |
|---------------------|--|
| Bà Hồ Nguyễn Tú Anh | Trưởng Phòng Tài chính Kế toán từ 18/04/2025 |
|---------------------|--|

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thắng
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Về báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 39 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Hà Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2025

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 71.148.790.270 | 46.354.553.827 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 44.321.115.948 | 32.204.788.835 |
| Tiền | 111 | | 7.321.115.948 | 10.204.788.835 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 37.000.000.000 | 22.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 21.611.006.188 | 12.319.834.630 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 21.003.235.938 | 10.847.834.649 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 381.396.568 | 1.837.955.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 1.408.363.578 | 816.034.877 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (1.181.989.896) | (1.181.989.896) |
| Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 1.681.947.627 | 1.344.933.229 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 1.681.947.627 | 1.344.933.229 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.534.720.507 | 484.997.133 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8 | 3.534.720.507 | 421.997.755 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | 62.999.378 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 256.572.628.382 | 262.009.300.358 |
| Tài sản cố định | 220 | | 247.651.151.872 | 253.890.399.024 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 247.113.196.079 | 253.261.204.056 |
| - Nguyên giá | 222 | | 560.225.360.699 | 555.764.492.012 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (313.112.164.620) | (302.503.287.956) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 537.955.793 | 629.194.968 |
| - Nguyên giá | 228 | | 955.375.660 | 955.375.660 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (417.419.867) | (326.180.692) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.795.734.107 | 2.237.787.979 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 1.795.734.107 | 2.237.787.979 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2 | 4.464.390.000 | 4.464.390.000 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | 3.294.390.000 | 3.294.390.000 |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 253 | | 1.170.000.000 | 1.170.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.661.352.403 | 1.416.723.355 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8 | 2.661.352.403 | 1.416.723.355 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 327.721.418.652 | 308.363.854.185 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2025

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2025 | 01/01/2025 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 58.682.183.423 | 33.579.629.659 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 52.058.583.423 | 24.850.429.659 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 9.360.931.571 | 6.495.950.618 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 969.668.256 | 92.100.010 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 3.923.889.145 | 1.737.479.962 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 8.022.864.000 | 6.959.151.000 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 2.171.393.973 | 145.688.225 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.16 | 3.561.505.000 | 3.787.200.000 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 15.390.377.263 | 3.189.587.914 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18 | 1.620.000.000 | 1.620.000.000 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 3.600.000.000 | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 3.437.954.215 | 823.271.930 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 6.623.600.000 | 8.729.200.000 |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.16 | 66.600.000 | 1.362.200.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18 | 6.557.000.000 | 7.367.000.000 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 269.039.235.229 | 274.784.224.526 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 269.039.235.229 | 274.784.224.526 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 245.018.170.000 | 245.018.170.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 245.018.170.000 | 245.018.170.000 |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | (482.000.000) | (482.000.000) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 13.937.027.761 | 13.937.027.761 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 10.566.037.468 | 16.311.026.765 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 24.464.265 | 47.570.945 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 10.541.573.203 | 16.263.455.820 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 327.721.418.652 | 308.363.854.185 |

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Hòa

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 |
|---|-------|-------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | | | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 103.803.968.163 | 82.503.068.922 |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 103.803.968.163 | 82.503.068.922 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 73.264.712.411 | 60.105.501.699 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 30.539.255.752 | 22.397.567.223 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.983.381.899 | 1.126.184.308 |
| Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 330.652.097 | 405.047.284 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 330.652.097 | 405.047.284 |
| Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 136.959.826 | 138.168.822 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 15.144.428.207 | 12.385.294.835 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 16.910.597.521 | 10.595.240.590 |
| Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 29.181.000 | 9.000.000 |
| Chi phí khác | 32 | VI.9 | 3.578.735.380 | 7.094.929 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | (3.549.554.380) | 1.905.071 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 13.361.043.141 | 10.597.145.661 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.10 | 2.819.469.938 | 2.054.858.657 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 10.541.573.203 | 8.542.287.004 |

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Hòa

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND |
|--|-----------|-------------|----------------------------------|----------------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 13.361.043.141 | 10.597.145.661 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 10.700.115.839 | 10.448.508.001 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 3.600.000.000 | 1.900.000.000 |
| (Lãi) hoạt động đầu tư | 05 | | (1.954.709.453) | (1.126.184.308) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 330.652.097 | 405.047.284 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 26.037.101.624 | 22.224.516.638 |
| (Tăng), giảm khoản phải thu | 09 | | (9.228.172.180) | (374.760.187) |
| Giảm, (Tăng) hàng tồn kho | 10 | | (337.014.398) | 216.313.039 |
| (Giảm), Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 8.301.952.420 | (993.016.718) |
| Giảm, (Tăng) chi phí trả trước | 12 | | (4.357.351.800) | 254.976.083 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (319.468.857) | (405.047.284) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (2.665.501.878) | (2.014.363.556) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | (20.000.000) |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (1.448.071.715) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 15.983.473.216 | 18.888.618.015 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (5.011.855.556) | (1.595.234.920) |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.954.709.453 | 1.098.913.075 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (3.057.146.103) | (496.321.845) |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (810.000.000) | (810.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (810.000.000) | (810.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 12.116.327.113 | 17.582.296.170 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | V.1 | 32.204.788.835 | 12.998.338.592 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 44.321.115.948 | 30.580.634.762 |

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Hòa

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán



Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28/01/2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01/04/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 08/05/2023.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Số 29 Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 245.018.170.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 245.018.170.000 đồng; tương đương 24.501.817 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 169 người (tại ngày 31/12/2024 là 168 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực khai thác Cảng biển.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ logistic;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, đường bộ khác, ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ khai thuế hải quan.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có Công ty con:

- Tên: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh.
- Địa chỉ: 29 Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa.
- Hoạt động kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, dịch vụ hàng hải.
- Vốn điều lệ: 7.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích, quyền biểu quyết của Công ty là 51%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là số liệu trong Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024, số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng là số liệu trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và có thể so sánh được.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Quyền kiểm soát của Công ty đối với công ty con được xem xét bao gồm sự tồn tại và ảnh hưởng của quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện hoặc chuyển đổi.

Được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất khoản các khoản đầu tư được lập khi Công ty bên nhận đầu tư bị lỗ, căn cứ Báo cáo tài chính bên nhận đầu tư tại thời điểm trích dự phòng.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 30/06/2025, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

8. Tài sản cố định hữu hình (tiếp)

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| <i>Loại tài sản</i> | <i>Thời gian sử dụng (năm)</i> |
|--------------------------|--------------------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 04 - 39 |
| - Máy móc, thiết bị | 04 - 13 |
| - Phương tiện vận tải | 02 - 09 |
| - Thiết bị văn phòng | 02 - 06 |
| - Phần mềm quản lý | 05 |

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

9. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phần gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

10. Chi phí xây dựng dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng; các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là giá trị thương hiệu được phân bổ tối đa 10 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng hoặc theo thời hạn mua.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát, các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính riêng của mình những nội dung sau:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia so với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

13. Nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả..

14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh, phù hợp doanh thu phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

15. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 36 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số cổ phiếu đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

18. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa:

Doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa được ghi nhận khi đáp ứng đồng thời cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

18. Ghi nhận doanh thu (tiếp)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên cơ sở thời gian, lãi suất thực tế từng kỳ và thông báo hàng kỳ của ngân hàng; lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn của luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

20. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

22. Báo cáo bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ bốc xếp hàng hóa phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/06/2025 | 01/01/2025 |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Tiền mặt | 763.495.105 | 297.166.472 |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 6.557.620.843 | 9.907.622.363 |
| - Các khoản tương đương tiền (*) | 37.000.000.000 | 22.000.000.000 |
| Cộng | 44.321.115.948 | 32.204.788.835 |

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

| | 30/06/2025 | | | 01/01/2025 | | |
|---|----------------------|-----------------|-----------------------|----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| - Đầu tư vào công ty con | 3.294.390.000 | - | - | 3.294.390.000 | - | - |
| <i>Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh (1)</i> | <i>3.294.390.000</i> | <i>-</i> | <i>(*)</i> | <i>3.294.390.000</i> | <i>-</i> | <i>(*)</i> |
| - Đầu tư vào đơn vị khác | 1.170.000.000 | - | - | 1.170.000.000 | - | - |
| <i>Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh (2)</i> | <i>1.170.000.000</i> | <i>-</i> | <i>(*)</i> | <i>1.170.000.000</i> | <i>-</i> | <i>(*)</i> |
| Cộng | 4.464.390.000 | - | - | 4.464.390.000 | - | - |

Thông tin về Công ty đầu tư tại ngày 30/06/2025:

| Tên Công ty đầu tư | Nơi Thành lập hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|---------------------------|---------------|------------------|--|
| - Đầu tư vào công ty con | | | | |
| <i>Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh</i> | <i>Thành phố Cam Ranh</i> | <i>51,00%</i> | <i>51,00%</i> | <i>Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, dịch vụ hàng hải</i> |
| - Đầu tư vào đơn vị khác | | | | |
| <i>Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh</i> | <i>Thành phố Cam Ranh</i> | <i>6,50%</i> | <i>6,50%</i> | <i>Khai thác, xử lý và cung cấp nước, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.</i> |

- (1) Khoản đầu tư vào Công ty con với số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 30/06/2025 là 356.979 cổ phiếu, trong đó 27.540 cổ phiếu do Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu. Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu mà không ghi tăng giá trị theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp.
- (2) Khoản đầu tư khác vào Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh với số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 30/06/2025 là 337.662 cổ phiếu, trong đó 103.662 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh chia cổ tức bằng cổ phiếu, 117.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ. Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu mà không ghi tăng giá trị theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp.
- (*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 30/06/2025 | 01/01/2025 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn là các bên liên quan | 127.754.050 | 66.187.156 |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh | 127.754.050 | 66.187.156 |
| Phải thu ngắn hạn là các bên khác | 20.875.481.888 | 10.781.647.493 |
| - Công ty TNHH đầu tư xây dựng DACINCO | 8.455.620.582 | 1.775.883.694 |
| - Công ty TNHH Đá Hòa An 1 | 3.499.832.646 | 3.394.802.527 |
| - Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Đại Dương | 563.600.626 | 563.600.626 |
| - Công ty TNHH Đầu tư Vận tải Đan Anh | 367.646.475 | 297.640.021 |
| - Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa | 347.656.124 | 347.656.124 |
| - Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thanh Sang | 197.081.173 | 343.612.894 |
| - Công ty TNHH Thương mại Thép Việt Tín | 154.954.729 | 326.354.367 |
| - Công ty Cổ phần Tiếp vận Hòa Phát | - | 407.171.808 |
| - Các đối tượng khác | 7.289.089.533 | 3.324.925.432 |
| Cộng | 21.003.235.938 | 10.847.834.649 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 30/06/2025 | 01/01/2025 |
|---|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Trả trước cho người bán là các bên liên quan | 189.600.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải | 189.600.000 | - |
| Trả trước cho người bán là các bên khác | 191.796.568 | 1.837.955.000 |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Phúc Anh | - | 1.778.535.000 |
| - Công ty Cổ phần đầu tư và công nghệ Tân Hoàng Minh Phát | 112.500.000 | - |
| - Công ty Cổ phần đầu tư máy xây dựng Hải Âu | 42.000.000 | - |
| - Các đối tượng khác | 37.296.568 | 59.420.000 |
| Cộng | 381.396.568 | 1.837.955.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

29 Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B09a - DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***5. Phải thu ngắn hạn khác**

| | 30/06/2025 | | 01/01/2025 | |
|--|----------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| - Ký cược, ký quỹ | 15.000.000 | - | 15.000.000 | - |
| - Tạm ứng | 21.126.000 | - | 50.000.000 | - |
| - Phân chia chi phí Cầu Gottwald | 432.282.683 | - | 223.308.490 | - |
| - Bảo hiểm thất nghiệp phải trả cho người lao động | 153.674.911 | - | 102.261.230 | - |
| - Lãi dự thu | 60.109.589 | - | 5.983.562 | - |
| - Phải thu khác | 726.170.395 | - | 419.481.595 | - |
| Cộng | 1.408.363.578 | - | 816.034.877 | - |

6. Nợ xấu

| | 30/06/2025 | | | 01/01/2025 | | |
|--|----------------------|----------------------|----------------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| - Công ty Cổ phần Khoáng sản và đầu tư Khánh Hòa | Trên 3 năm | 347.656.124 | - | Trên 3 năm | 347.656.124 | - |
| - Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Đại Dương | Trên 3 năm | 563.600.626 | 169.080.188 | Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 563.600.626 | 169.080.188 |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng và ứng dụng Công nghệ Mới | Trên 3 năm | 113.319.150 | - | Trên 3 năm | 113.319.150 | - |
| - Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hải Gia | Trên 3 năm | 99.453.843 | - | Trên 3 năm | 99.453.843 | - |
| - Các đối tượng khác | Trên 3 năm | 227.040.341 | - | Trên 3 năm | 227.040.341 | - |
| Cộng | - | 1.351.070.084 | 169.080.188 | - | 1.351.070.084 | 169.080.188 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

29 Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B09a - DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***7. Hàng tồn kho**

- Công cụ, dụng cụ

- Hàng hóa

Cộng

| 30/06/2025 | | 01/01/2025 | |
|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| 121.702.369 | - | 52.638.633 | - |
| 1.560.245.258 | - | 1.292.294.596 | - |
| 1.681.947.627 | - | 1.344.933.229 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

8. Chi phí trả trước

| | 30/06/2025 | 01/01/2025 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 3.534.720.507 | 421.997.755 |
| - Chi phí thuê đất, thuê đất | 3.100.818.918 | - |
| - Chi phí bảo hiểm hàng năm của tài sản | 48.280.655 | 127.679.855 |
| - Các khoản khác | 385.620.934 | 294.317.900 |
| Dài hạn | 2.661.352.403 | 1.416.723.355 |
| - Giá trị của lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa | - | 5.017.636 |
| - Chi phí sửa chữa lớn | 2.058.454.626 | 755.403.142 |
| - Phí kiểm định Bến đỗ 1 và 2 | 456.704.945 | 551.195.945 |
| - Các khoản khác | 146.192.832 | 105.106.632 |
| Cộng | 6.196.072.910 | 1.838.721.110 |

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

9. Tài sản cố định hữu hình

| Cộng | VND | NGUYÊN GIÁ | | HAO MÓN LŨY KẾ | | GIÁ TRỊ CÒN LẠI | |
|---------------------------------|-----|-----------------|----------------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | | 01/01/2025 | 30/06/2025 | 01/01/2025 | 30/06/2025 | 01/01/2025 | 30/06/2025 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | VND | 484.399.802.866 | 49.584.126.892 | 4.460.868.687 | 488.860.671.553 | 226.008.511.227 | 222.502.642.281 |
| | | - | - | - | 49.584.126.892 | 18.558.757.086 | 5.386.755.530 |
| Máy móc, Thiết bị (*) | VND | 19.249.978.836 | 2.530.583.418 | - | 19.249.978.836 | 6.028.304.748 | 665.041.182 |
| | | - | - | - | 19.249.978.836 | 6.028.304.748 | 665.041.182 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | VND | 555.764.492.012 | 4.460.868.687 | - | 560.225.360.699 | 253.261.204.056 | 247.113.196.079 |
| | | - | - | - | 560.225.360.699 | 253.261.204.056 | 247.113.196.079 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | VND | 484.399.802.866 | 49.584.126.892 | 4.460.868.687 | 488.860.671.553 | 226.008.511.227 | 222.502.642.281 |
| | | - | - | - | 49.584.126.892 | 18.558.757.086 | 5.386.755.530 |

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.363.162.016 đồng (Tải 31/12/2024 là: 23.546.484.216 đồng).
Giá trị còn lại TSCĐ cầm cố, thế chấp tài ngày 30/06/2025: 13.187.442.207 đồng (Tải ngày 31/12/2024 là 14.056.943.889 đồng).

(*) Bao gồm thiết bị “Cầu bờ di động nhân hiệu Gottward – Model HMK 280 (đã qua sử dụng)” là tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Công ty góp 40% giá trị tài sản bằng tiền tương ứng 7.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng góp 60% giá trị tài sản tương ứng 10.500.000.000 VND. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác thực hiện phân chia doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ góp vốn. Nguyên giá của tài sản cố định trên được ghi nhận tương ứng với phần vốn đã góp bằng tiền của Công ty là 7.000.000.000 VND, trong năm 2022 sửa chữa lớn nguyên giá tăng lên là: 8.666.652.766 đồng, hao mòn lũy kế đến ngày 30/06/2025 là: 6.159.314.791 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

10. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm máy tính VND | Cộng VND |
|------------------------|--------------------------------------|---------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| 01/01/2025 | 955.375.660 | 955.375.660 |
| 30/06/2025 | 955.375.660 | 955.375.660 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN | | |
| 01/01/2025 | (326.180.692) | (326.180.692) |
| - Khấu hao trong kỳ | (91.239.175) | (91.239.175) |
| 30/06/2025 | (417.419.867) | (417.419.867) |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| 01/01/2025 | 629.194.968 | 629.194.968 |
| 30/06/2025 | 537.955.793 | 537.955.793 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

| | 01/01/2025 | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Kết chuyển giảm khác | 30/06/2025 |
|---|----------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Dự án Nâng cao năng lực khai thác cầu cảng (*) | 1.795.734.107 | - | - | - | 1.795.734.107 |
| Dự án Nâng cấp Bến số 1 lên 50.000 DWT giảm tải | 442.053.872 | 4.529.925.926 | 4.460.868.687 | 511.111.111 | - |
| Cộng | 2.237.787.979 | 4.529.925.926 | 4.460.868.687 | 511.111.111 | 1.795.734.107 |

(*) Dự án “Đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi” với các thông tin cơ bản như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 28.049.378.000 đồng;
- Địa điểm thực hiện: Cảng Ba Ngòi, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa (nay là Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa);
- Mục tiêu: Nâng cao khả năng vận tải hàng hóa từ cầu cảng tới kho bãi và ngược lại; tiếp nhận tàu tổng hợp trọng tải đến 50.000 DWT đầy tải, tàu 70.000 DWT giảm tải, tàu khách 70.000 GT;
- Cơ cấu nguồn vốn: 70% vốn chủ sở hữu, 30% vốn vay
- Tại thời điểm 30/06/2025, dự án đã thực hiện xong Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

29 Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B09a - DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***12. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | 30/06/2025 | | 01/01/2025 | |
|--|----------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải trả người bán là bên liên quan | 553.438.017 | 553.438.017 | 568.835.035 | 568.835.035 |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh | 553.438.017 | 553.438.017 | 310.535.035 | 310.535.035 |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải | - | - | 258.300.000 | 258.300.000 |
| Phải trả người bán là bên khác | 8.807.493.554 | 8.807.493.554 | 5.927.115.583 | 5.927.115.583 |
| - Công ty TNHH Đông Đô | 3.921.965.000 | 3.921.965.000 | 2.990.465.000 | 2.990.465.000 |
| - Công ty Cổ phần dịch vụ Biển Tân Cảng | 1.193.400.000 | 1.193.400.000 | 545.400.000 | 545.400.000 |
| - Công ty TNHH Thịnh An Khang NT | 580.269.744 | 580.269.744 | 474.393.888 | 474.393.888 |
| - Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Gia thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - CN Nha Trang | - | - | 1.327.373.400 | 1.327.373.400 |
| - Các đối tượng khác | 3.111.858.810 | 3.111.858.810 | 589.483.295 | 589.483.295 |
| Cộng | 9.360.931.571 | 9.360.931.571 | 6.495.950.618 | 6.495.950.618 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

29 Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
Mẫu số B09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

| | 30/06/2025 | | 01/01/2025 | |
|--|--------------------|----------------------------------|-------------------|----------------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| - Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải-VINACOMIN | 661.940.648 | 661.940.648 | - | - |
| - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Huỳnh Nghiêm | 195.678.986 | 195.678.986 | - | - |
| - Công ty TNHH Thương mại vận tải biển Khang Dương | 77.360.400 | 77.360.400 | - | - |
| - Công ty TNHH Đầu tư Tổng hợp Bình An Phát | - | - | 25.000.000 | 25.000.000 |
| - Công ty TNHH Khởi Phát Lộc | - | - | 22.267.771 | 22.267.771 |
| - Các đối tượng khác | 34.688.222 | 34.688.222 | 44.832.239 | 44.832.239 |
| Cộng | 969.668.256 | 969.668.256 | 92.100.010 | 92.100.010 |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2025 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ | 30/06/2025 |
|--|----------------------|---------------------------------|--|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế và các khoản phải nộp | | | | |
| - Thuế giá trị gia tăng | 202.640.777 | 4.110.930.954 | 3.950.164.624 | 363.407.107 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.306.031.940 | 2.819.469.938 | 2.665.501.878 | 1.460.000.000 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 228.807.245 | 200.977.000 | 418.284.245 | 11.500.000 |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 10.771.595.302 | 8.682.613.264 | 2.088.982.038 |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 5.000.000 | 5.000.000 | - |
| Cộng | 1.737.479.962 | 17.907.973.194 | 15.721.564.011 | 3.923.889.145 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

15. Chi phí phải trả

| | 30/06/2025 | 01/01/2025 |
|------------------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| - Tiền điện | 238.920.733 | 145.688.225 |
| - Tạm trích chi phí người lao động | 1.000.000.000 | - |
| - Chi phí ăn ca | 921.290.000 | - |
| - Chi phí lãi vay | 11.183.240 | - |
| Cộng | 2.171.393.973 | 145.688.225 |

16. Doanh thu chưa thực hiện

| | 30/06/2025 | 01/01/2025 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 3.561.505.000 | 3.787.200.000 |
| Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi | 3.561.505.000 | 3.787.200.000 |
| Dài hạn | 66.600.000 | 1.362.200.000 |
| Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi | 66.600.000 | 1.362.200.000 |
| Cộng | 3.628.105.000 | 5.149.400.000 |

17. Phải trả ngắn hạn khác

| | 30/06/2025 | 01/01/2025 |
|---------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Kinh phí công đoàn | 195.476.000 | 173.590.440 |
| - Nhận ký quỹ ký cược | 24.000.000 | 24.000.000 |
| - Cổ tức phải trả | 12.226.808.500 | - |
| - Phải trả khác | 2.944.092.763 | 2.991.997.474 |
| + Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng | 2.904.192.763 | 1.311.244.474 |
| + Chi phí cho người lao động | - | 1.620.353.000 |
| + Thu lao HĐQT và BKS | 39.900.000 | 50.400.000 |
| + Các đối tượng khác | - | 10.000.000 |
| Cộng | 15.390.377.263 | 3.189.587.914 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***18. Vay và nợ thuê tài chính**

| | 30/06/2025 | | Trong kỳ | | 01/01/2025 | |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng |
| | VND | trả nợ VND | VND | VND | VND | trả nợ VND |
| a) Vay ngắn hạn | 1.620.000.000 | 1.620.000.000 | 810.000.000 | 810.000.000 | 1.620.000.000 | 1.620.000.000 |
| - Vay dài hạn đến hạn trả | 1.620.000.000 | 1.620.000.000 | 810.000.000 | 810.000.000 | 1.620.000.000 | 1.620.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa (*) | 1.620.000.000 | 1.620.000.000 | 810.000.000 | 810.000.000 | 1.620.000.000 | 1.620.000.000 |
| b) Vay dài hạn | 6.557.000.000 | 6.557.000.000 | - | 810.000.000 | 7.367.000.000 | 7.367.000.000 |
| - Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa (*) | 6.557.000.000 | 6.557.000.000 | - | 810.000.000 | 7.367.000.000 | 7.367.000.000 |
| Cộng | 8.177.000.000 | 8.177.000.000 | 810.000.000 | 1.620.000.000 | 8.987.000.000 | 8.987.000.000 |

(*) Khoản vay của Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng 14/2022/HĐTD-ĐTPT ngày 09/08/2022 với hạn mức tín dụng là 12.960.000.000 đồng, số tiền vay đến ngày 30/06/2025 là: 8.177.000.000 đồng với lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay là đầu tư mua sắm Cầu di động - sức nâng 180 tấn nhằm nâng cao năng lực khai thác Cảng Cam Ranh. Tài sản thế chấp là tài sản của Công ty và tài sản được hình thành bằng vốn vay theo hợp đồng đảm bảo tiền vay và các hình thức bảo đảm khác phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

29 Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B09a - DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| Khoản mục | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|---------------------------|-------------------------------------|---------------------|---------------------------------|---|------------------|
| 01/01/2024 | 245.018.170.000 | (482.000.000) | 13.937.027.761 | 13.675.119.604 | 272.148.317.365 |
| - Lãi trong năm nay | - | - | - | 16.263.455.820 | 16.263.455.820 |
| - Phân phối lợi nhuận | - | - | - | (13.627.548.659) | (13.627.548.659) |
| 31/12/2024 | 245.018.170.000 | (482.000.000) | 13.937.027.761 | 16.311.026.765 | 274.784.224.526 |
| 01/01/2025 | 245.018.170.000 | (482.000.000) | 13.937.027.761 | 16.311.026.765 | 274.784.224.526 |
| - Lãi trong năm nay | - | - | - | 10.541.573.203 | 10.541.573.203 |
| - Phân phối lợi nhuận (*) | - | - | - | (16.286.562.500) | (16.286.562.500) |
| 30/06/2025 | 245.018.170.000 | (482.000.000) | 13.937.027.761 | 10.566.037.468 | 269.039.235.229 |

(*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01-2025/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

| | Số tiền VND |
|--|----------------|
| - Lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 | 16.311.026.765 |
| - Trích Quỹ phúc lợi | 2.277.000.000 |
| - Trích Quỹ Khen thưởng | 1.464.000.000 |
| - Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành | 318.754.000 |
| - Chi trả cổ tức | 12.226.808.500 |
| - Lợi nhuận còn lại chưa phân phối | 24.464.265 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 30/06/2025 | | 01/01/2025 | |
|---|------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| | Số tiền góp vốn | Tỷ lệ vốn góp | Số tiền góp vốn | Tỷ lệ vốn góp |
| | VND | % | VND | % |
| - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP | 198.230.150.000 | 80,90% | 198.230.150.000 | 80,90% |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân | 34.971.020.000 | 14,27% | 34.971.020.000 | 14,27% |
| - Các cổ đông khác | 11.817.000.000 | 4,82% | 11.817.000.000 | 4,82% |
| Cộng | 245.018.170.000 | 100% | 245.018.170.000 | 100% |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| - Vốn góp của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu kỳ | 245.018.170.000 | 245.018.170.000 |
| + Vốn góp cuối kỳ | 245.018.170.000 | 245.018.170.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 12.226.808.500 | 2.592.258.000 |

d. Cổ phiếu

| | 30/06/2025 | 01/01/2025 |
|--|------------|------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 24.501.817 | 24.501.817 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 24.501.817 | 24.501.817 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 24.501.817 | 24.501.817 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 48.200 | 48.200 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 48.200 | 48.200 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 24.453.617 | 24.453.617 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 24.453.617 | 24.453.617 |
| Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Thành phố Cam Ranh (nay là Phường Cam Linh), Tỉnh Khánh Hòa với Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa để sử dụng với mục đích xây dựng bến cảng xếp dỡ hàng hóa và làm trụ sở Công ty với tổng diện tích đất thuê là 252.364 m², thời hạn thuê đất từ 16 năm đến 40 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra Công ty đang quản lý và sử dụng lô đất trên đường Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa (nay là Phường Cam Linh, tỉnh Khánh Hòa), có diện tích 797,5 m² với mục đích xây dựng Trung tâm dịch vụ Hàng hải. Lô đất này hiện chưa ký hợp đồng thuê đất do UBND Tỉnh yêu cầu lập dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch để UBND Tỉnh có cơ sở xem xét việc giao đất và cho thuê đất theo quy định.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 |
|------------------------------|---|---|
| | VND | VND |
| - Doanh thu bán hàng | 20.840.582.219 | 22.999.409.247 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 82.963.385.944 | 59.503.659.675 |
| Cộng | 103.803.968.163 | 82.503.068.922 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 |
|----------------------------|---|---|
| | VND | VND |
| - Giá vốn hàng hóa | 19.453.444.013 | 21.516.691.143 |
| - Giá vốn dịch vụ cung cấp | 53.811.268.398 | 38.588.810.556 |
| Cộng | 73.264.712.411 | 60.105.501.699 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 |
|-------------------------------|---|---|
| | VND | VND |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 570.653.644 | 115.482.980 |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.384.055.809 | 1.010.701.328 |
| - Chiết khấu thanh toán | 28.672.446 | - |
| Cộng | 1.983.381.899 | 1.126.184.308 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

4. Chi phí tài chính

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 |
|-------------------|---|---|
| | VND | VND |
| - Chi phí lãi vay | 330.652.097 | 405.047.284 |
| Cộng | 330.652.097 | 405.047.284 |

5. Chi phí bán hàng

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 |
|--------------------------|---|---|
| | VND | VND |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 24.768.822 | 24.768.822 |
| - Chi phí nhân công | 110.400.000 | 110.400.000 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 1.791.004 | 3.000.000 |
| Cộng | 136.959.826 | 138.168.822 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 |
|-------------------------------------|---|---|
| | VND | VND |
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 222.468.131 | 125.086.393 |
| - Chi phí nhân công | 9.274.458.080 | 7.499.272.909 |
| - Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng | 68.630.340 | 216.076.173 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 528.974.934 | 539.853.046 |
| - Thuế, phí, lệ phí | 433.046.108 | 433.046.128 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.931.790.178 | 1.811.343.155 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 2.685.060.436 | 1.760.617.031 |
| Cộng | 15.144.428.207 | 12.385.294.835 |

7. Chi phí sản xuất theo yếu tố

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 |
|-------------------------------------|---|---|
| | VND | VND |
| - Chi phí nguyên vật liệu | 1.441.414.630 | 1.315.489.552 |
| - Chi phí nhân công | 26.712.176.628 | 20.033.046.471 |
| - Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng | 134.487.204 | 229.120.306 |
| - Khấu hao tài sản cố định | 10.700.115.839 | 10.448.508.001 |
| - Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 5.200.450.234 | - |
| - Thuế, phí và lệ phí | 433.046.108 | 2.226.472.702 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 18.036.505.242 | 15.096.020.150 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 6.434.460.546 | 1.763.617.031 |
| Cộng | 69.092.656.431 | 51.112.274.213 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

8. Thu nhập khác

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 |
|--------------------------|---|---|
| | VND | VND |
| - Tiền thù lao HĐQT, BKS | 9.000.000 | 9.000.000 |
| - Khác | 20.181.000 | - |
| Cộng | 29.181.000 | 9.000.000 |

9. Chi phí khác

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 |
|--|---|---|
| | VND | VND |
| - Chi phí thuế đất | 3.495.121.170 | - |
| - Các khoản tiền phạt thuế và bảo hiểm | 77.482.210 | - |
| - Các khoản chi phí khác | 6.132.000 | 7.094.929 |
| Cộng | 3.578.735.380 | 7.094.929 |

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 13.361.043.141 | 10.597.145.661 |
| Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế | 1.323.012.668 | 663.555.667 |
| - Thù lao thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không chuyên trách | 206.400.000 | 326.235.000 |
| - Các khoản tiền phạt thuế và bảo hiểm | 77.482.210 | 7.061.929 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng khác | 1.039.130.458 | 330.258.738 |
| Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế | 1.384.055.809 | 1.010.701.328 |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.384.055.809 | 1.010.701.328 |
| Tổng thu nhập chịu thuế trong năm | 13.300.000.000 | 10.250.000.000 |
| - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 20% | 20% |
| Thuế TNDN phải trả ước tính | 2.660.000.000 | 2.050.000.000 |
| - Thuế TNDN năm trước hạch toán bổ sung | 159.469.938 | 4.858.657 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 2.819.469.938 | 2.054.858.657 |

11. Lãi trên cổ phiếu

Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng, chỉ tiêu này được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 - "Lãi trên cổ phiếu".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

| Đối tượng | Mối quan hệ |
|--|--|
| - Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP | Công ty mẹ |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh | Công ty con |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải | Cùng Công ty mẹ |
| - Ban Quản lý dự án chuyên ngành Hàng hải VIMC | Cùng Công ty mẹ |
| - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam – Đại lý Hàng hải Nha Trang | Chi nhánh của Công ty có cùng Công ty mẹ |

2a. Giao dịch về số dư với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

| | | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND |
|---|---|---|---|
| Thu nhập của các thành viên chủ chốt | | 1.155.313.000 | 995.964.000 |
| - <i>Thu nhập và thù lao của Ban Tổng Giám đốc</i> | | <i>586.057.000</i> | <i>520.924.000</i> |
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT | 327.999.000 | 311.120.000 |
| Ông Trịnh Thanh Tùng | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ 21/02/2024) | 258.058.000 | 190.609.000 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Thủy | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ 01/02/2024) | - | 19.195.000 |
| - <i>Thu nhập và thù lao của của thành viên Hội đồng quản trị</i> | | <i>487.656.000</i> | <i>397.040.000</i> |
| Ông Phạm Hữu Tấn | Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ 12/06/2025) | 357.816.000 | 307.040.000 |
| Ông Đỗ Hùng Dương | Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ 12/06/2025) | 5.040.000 | - |
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT | 31.200.000 | - |
| Ông Nguyễn Văn Tài | Thành viên HĐQT | 31.200.000 | 30.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Yến | Thành viên HĐQT | 31.200.000 | 30.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 12/06/2025) | 28.080.000 | 30.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Dũng | Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ 12/06/2025) | 3.120.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp)

2a. Giao dịch về số dư với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp)

| | | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 |
|--|--|---|---|
| | | VND | VND |
| - <i>Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát</i> | | 81.600.000 | 78.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hiền | Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ 12/06/2025) | 28.080.000 | 30.000.000 |
| Ông Hoàng Việt | Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ 12/06/2025) | 3.120.000 | - |
| Bà Bùi Thị Ngọc Lương | Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ 15/04/2024) | 25.200.000 | 16.000.000 |
| Bà Bùi Thị Ngân Hoa | Thành viên BKS (Miễn nhiệm từ 15/04/2024) | - | 8.000.000 |
| Bà Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên BKS | 25.200.000 | 24.000.000 |

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan

| | Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 | Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Doanh thu từ các bên liên quan | 1.419.382.034 | 603.784.999 |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh | 795.767.181 | 603.784.999 |
| - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Nha Trang | 623.614.853 | - |
| Mua hàng từ các bên liên quan | 3.019.537.657 | 2.019.690.946 |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh | 3.019.537.657 | 2.019.690.946 |
| Cổ tức, lợi nhuận nhận về | 356.979.000 | 356.979.000 |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh | 356.979.000 | 356.979.000 |

Số dư với các bên liên quan

| | 30/06/2025 | 01/01/2025 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu khách hàng | 127.754.050 | 66.187.156 |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh | 127.754.050 | 66.187.156 |
| Phải trả người bán | 553.438.017 | 568.835.035 |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh | 553.438.017 | 310.535.035 |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải | - | 258.300.000 |
| Trả trước cho người bán | 189.600.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải | 189.600.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là số liệu trong Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 đã được soát xét và số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng là số liệu trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.


Khánh Hòa, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Hòa

**Trưởng phòng
Tài chính Kế toán**



Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thắng

